

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-8-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Đình Bình

Bà Mai Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đào Tố L**, sinh năm: 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 194, Lô 9, Tổ 13, phường Đ, quận H, Hải Phòng**; nơi ở hiện nay: **Số nhà 85 M, phường Đ, quận H, Hải Phòng**. Có mặt.

- Bị đơn: **Anh Vũ Đình L**, sinh năm 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: **Số 194, Lô 9, Tổ 13, phường Đ, quận H, Hải Phòng**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Đào Tố L trình bày:

Chị và anh Vũ Đình L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày

16 tháng 4 năm 2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không thể tìm được tiếng nói chung trong mọi sinh hoạt hàng ngày. Mặt khác, trong cuộc sống vợ chồng anh L không tâm lý, quan tâm đến vợ con mà còn hay nghi ngờ chị không chung thủy trong quan hệ vợ chồng và có nhiều lời xúc phạm chị. Điều này làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Hiện nay, chị và anh L đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** Chị và anh L có 02 con chung là Vũ Mai P, sinh ngày 29/02/2008 và Vũ Tiến Đ, sinh ngày 06/9/2009. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung Vũ Mai P cho anh L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Vũ Tiến Đ cho chị L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về chia tài sản chung:** Chị và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Đình L trình bày:

Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn vợ chồng như lời trình bày của chị L là đúng. Anh thừa nhận nhiều lúc nóng giận, vợ chồng có to tiếng cãi nhau. **Nay, chị L có đơn xin ly hôn với anh, anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý ly hôn.**

- **Về con chung:** Anh và chị L có 02 con chung là Vũ Mai P, sinh ngày 29/2/2008 và Vũ Tiến Đ, sinh ngày 06/9/2009. Do anh L không ý ly hôn nên anh L không có ý gì về con chung.

- **Về chia tài sản chung:** Anh và chị L không còn tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh tại Tổ dân phố nơi chị L và anh L sinh sống cũng như ý kiến của gia đình:

Quá trình chung sống tại địa phương, chị L và anh L có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; anh L hay ghen, nghi ngờ chị L không chung thủy trong quan hệ vợ chồng. Hiện tại, chị L và anh Long đã sống ly thân, không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do, vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Tố L về những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị L được ly hôn anh L.
- Về nuôi dưỡng con: Giao con chung Vũ Mai P, sinh ngày 29/2/2008 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Vũ Tiến Đ, sinh ngày 06/9/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
- Về cấp dưỡng nuôi con : Chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về chia tài sản: Chị L và anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vũ Đình L, hiện cư trú tại số **194, Lô 9, Tổ 13, phường Đằng Hải, quận Hải An, Hải Phòng**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng vào ngày 16 tháng 4 năm 2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời trình bày của hai bên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho thấy quá trình chung sống giữa chị L và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L và anh L bất đồng quan điểm sống, cũng như không tin tưởng nhau trong quan hệ vợ chồng. Hiện nay anh chị đã sống ly

thân ; không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau. Trên thực tế quan hệ hôn nhân của chị L và anh L đã không còn tồn tại, không đạt được mục đích của hôn nhân. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ, nhưng chị L kiên quyết đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh L, thể hiện chị L không còn yêu thương anh L.

[4] Xét tình trạng hôn nhân của chị L và anh L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh L không đồng ý ly hôn với chị L chỉ là muốn níu kéo quan hệ hôn nhân không có hạnh phúc. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Loan là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L; không chấp nhận yêu cầu không đồng ý ly hôn của anh Long.

[5] Về nuôi con chung: Chị L và anh L có hai con chung là Vũ Mai P, sinh ngày 29/2/2008 và Vũ Tiến Đ, sinh ngày 06/9/2009. Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung Vũ Mai P cho anh L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Vũ Tiến Đ cho chị L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; **anh Long không có ý kiến về nuôi con chung.**

[6] Xét chị L và anh L đều có điều kiện nuôi con. Hiện nay, cháu Đ đang do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu P đang do anh L chăm, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ chia sẻ trách nhiệm cho mỗi bên; cũng như không làm xáo trộn việc ăn ở sinh hoạt của các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Đ cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu P cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các cháu. Do đó, căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng nuôi con chung của chị L. **Do anh L không có ý kiến về nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.**

[6] Về cấp dưỡng nuôi con : Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về chia tài sản: Chị L và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, **227, 228**, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đào Tố L được ly hôn với anh Vũ Đình L

2. Về nuôi con chung:

+ Giao con chung Vũ Tiến Đ, sinh ngày 06/9/2009 cho chị Đào Tố L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Giao con chung Vũ Mai P, sinh ngày 29/2/2008 cho anh Vũ Đình L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí : Chị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu số 0018129, ngày 23 tháng 6 năm 2021.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Tuyến

